

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG THỜI KỲ 2021-2030
CỦA HUYỆN HẢI LĂNG, TỈNH QUẢNG TRỊ**

STT	Hạng mục	Địa điểm (xã)	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Năm thực hiện
I	ĐẤT NÔNG NGHIỆP					
1.1	Đất trồng lúa		3,20	-	3,20	
1	Chuyển mục đích sang đất lúa	Xã Hải Định	3,20	-	3,20	2021-2030
1.2	Đất trồng hàng năm khác		18,59	-	18,59	
1	Quy hoạch mở rộng đất trồng cây hàng năm	Xã Hải Thượng	18,59		18,59	2021-2030
1.3	Đất trồng cây lâu năm		264,92	7,30	257,62	
1	Đất trồng cây ăn quả khu vực Khe Khế	Xã Hải Phú	144,54		144,54	2021-2030
2	Quy hoạch đất trồng cây lâu năm tại thôn Phú Hưng	Xã Hải Phú	10,17		10,17	2021-2030
3	Quy hoạch đất trồng cây lâu năm tại thôn Tân Thọ	Xã Hải Trường	49,64	0,04	49,60	2021-2030
4	Quy hoạch đất trồng cây lâu năm thôn Thi Ông, Thuận Chánh An	Xã Hải Hưng	1,78	-	1,78	2021
5	Quy hoạch đất trồng cây lâu năm thôn Đại An Khê, Thượng Xá	Xã Hải Thượng	34,95		34,95	2021-2030
6	Quy hoạch đất trồng cây lâu năm thôn Xuân Lâm, Trường Phước	Xã Hải Lâm	8,56	7,26	1,30	2021-2030
7	Đất trồng cây dược liệu	Xã Hải Chánh	15,28		15,28	2021-2030
1.4	Đất rừng sản xuất		68,23	68,23	-	
4.1	Đấu giá QSD đất rừng sản xuất	Xã Hải Lâm	68,23	68,23	-	2021
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản		69,37	11,97	57,40	
1	Quy hoạch đất nuôi trồng thủy sản tại thôn Phú Hưng	Xã Hải Phú	12,69	8,34	4,35	2021-2030
2	Quy hoạch đất nuôi trồng thủy sản hợp tác xã Mỹ Trường	Xã Hải Trường	9,18		9,18	2021-2030
3	Quy hoạch đất nuôi trồng thủy sản tại thôn Đông Dương	Xã Hải Dương	4,09		4,09	2021-2030
4	Quy hoạch đất nuôi trồng thủy sản tại thôn Văn Vân	Xã Hải Quy	5,07	3,63	1,44	2021-2030
5	Quy hoạch đất nuôi trồng thủy sản thôn Thiện Tây	Xã Hải Định	0,47	-	0,47	2021-2030
6	Quy hoạch đất nuôi trồng thủy sản thôn Lam Thủy, Thuận Chánh An, Trà Lộc, Trà Trì Phú	Xã Hải Hưng	11,49	-	11,49	2021-2030
7	Quy hoạch đất nuôi trồng thủy sản - mô hình sen cá thôn Thượng Xá và thôn Đại An Khê	Xã Hải Thượng	21,87		21,87	2021-2030
8	Quy hoạch nuôi trồng thủy sản (mô hình sen cá) thôn Xuân Lâm, Trường Phước, Thượng Nguyên	Xã Hải Lâm	4,51		4,51	2021-2030
1.6	Đất nông nghiệp khác		157,69	0,40	157,29	
1	Khu chăn nuôi tập trung tại thôn Phú Hưng	Xã Hải Phú	5,43		5,43	2021-2030
2	Xây dựng trang trại chăn nuôi gia cầm tại thôn Phú Hưng	Xã Hải Phú	0,41		0,41	2021-2030
3	Khu chăn nuôi tập trung thôn Phương Hải, Thống Nhất	Xã Hải Ba	16,86		16,86	2021
4	Xây dựng trang trại thôn Thiện Đông	Xã Hải Định	19,68	-	19,68	2021-2030
5	Đất trang trại chăn nuôi tổng hợp	Xã Hải Hưng	91,00	-	91,00	2021
6	Xây dựng trang trại thôn Đại An Khê, Thượng Xá	Xã Hải Thượng	18,07	0,40	17,67	2021-2030
7	Xây dựng trang trại trồng cam	Xã Hải Lâm	6,24	-	6,24	2021-2030

STT	Hạng mục	Địa điểm (xã)	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Năm thực hiện
II	ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP					
2.1	ĐẤT QUỐC PHÒNG		17,89	-	17,89	
1	Bãi hạ cánh La Vang-Ban CHQS Hải Lăng	Hải Phú	7,95		7,95	2021-2030
2	Trận địa pháo 85mm	Xã Hải An	5,85		5,85	2021-2030
3	Đồn biên phòng Hải An (khu kinh tế Đông Nam)	Hải An	4,09		4,09	2021-2030
4	Xây dựng khu vực phòng thủ huyện Hải Lăng 1 (không tính chu chuyển vào đất quốc phòng)	Xã Hải Lâm	30,00	1,00		2021-2030
5	Xây dựng khu vực phòng thủ huyện Hải Lăng 2 (không tính chu chuyển vào đất quốc phòng)	Xã Hải Sơn	15,00			2021-2030
2.2	ĐẤT AN NINH		3,65	-	3,65	
1	Xây dựng trụ sở Công an xã Hải Phú	Xã Hải Phú	0,25		0,25	2021-2030
2	Xây dựng trụ sở Công An xã Hải Trường	Xã Hải Trường	0,13		0,13	2021-2030
3	Xây dựng trụ sở Công An xã Hải Chánh	Xã Hải Chánh	0,08		0,08	2021-2030
4	Xây dựng Trụ sở Công an xã Hải Quy	Xã Hải Quy	0,10		0,10	2021-2030
5	Xây dựng trụ sở Công an xã Hải Quế	Xã Hải Quế	0,16		0,16	2021-2030
6	Xây dựng trụ sở công an xã Hải Khê	Xã Hải Khê	0,20		0,20	2021-2030
7	Xây dựng trụ sở Công an Thị trấn	Thị trấn Diên Sanh	0,15		0,15	2021
8	Xây dựng trụ sở công an xã Hải Ba	Xã Hải Ba	0,16	-	0,16	2021-2030
9	Xây dựng trụ sở công an xã Hải Định	Xã Hải Định	0,31	-	0,31	2021-2030
10	Xây dựng trụ sở công an xã Hải Phong	Xã Hải Phong	0,19	-	0,19	2021-2030
11	Xây dựng trụ sở công an xã Hải Sơn	Xã Hải Sơn	0,10		0,10	2021
12	Xây dựng trụ sở công an xã Hải Hưng	Xã Hải Hưng	0,57	-	0,57	2021-2030
13	Xây dựng trụ sở công an xã Hải Thượng	Xã Hải Thượng	0,04		0,04	2021-2030
14	Doanh trại Đội Cảnh sát PCCC và CNCH	Xã Hải Lâm	1,00		1,00	2021-2030
15	Mở rộng trụ sở Công an huyện (nhà tạm giữ)	Thị trấn Diên Sanh	0,08		0,08	2021-2030
16	Xây dựng trụ sở công an xã Hải Dương	Xã Hải Dương	0,13		0,13	2021-2030
2.3	ĐẤT KHU CÔNG NGHIỆP		780,40	-	780,40	
1	Khu công nghiệp Quảng Trị (Visip)	TT Diên sanh, Hải Trường, Hải Lâm	481,20		481,20	2021-2030
2	Khu công nghiệp hỗn hợp chức năng (Khu kinh tế Đông Nam)	Hải Ba, Hải Quế	92,90		92,90	2021-2030
3	Khu công nghiệp hỗ trợ phát triển nhà máy nhiệt điện (Khu kinh tế Đông Nam)	Hải Dương	59,60		59,60	2021-2030
4	Khu công nghiệp hỗ trợ phát triển khu phức hợp năng lượng (Khu kinh tế Đông Nam)	Hải Ba	146,70		146,70	2021-2030
2.4	ĐẤT CỤM CÔNG NGHIỆP		145,00	48,57	96,43	
1	Cụm công nghiệp Diên Sanh	Hải Thọ	30,00	25,92	4,08	2021-2030
2	Cụm công nghiệp Hải Thượng	Hải Thượng	25,00	11,86	13,14	2021-2030
3	Cụm công nghiệp Hải Chánh	Hải Chánh	30,00	10,79	19,21	2021-2030
4	Cụm công nghiệp Thượng Lâm	Hải Thượng, Hải Lâm	30,00		30,00	2021-2030
5	Cụm công nghiệp Hải Trường	Hải Trường	30,00		30,00	2021-2030
2.5	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ		337,27	1,80	335,70	
1	Khu dịch vụ - du lịch biển Hải Khê	Hải Khê	53,80		53,80	2021

STT	Hạng mục	Địa điểm (xã)	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Năm thực hiện
2	Khu trung tâm xúc tiến đầu tư, giới thiệu sản phẩm, thương mại dịch vụ tại Khu kinh tế Đông Nam	Hải An, Hải Quế	43,37		43,37	2021-2030
3	Đất dịch vụ thương mại tại Khu kinh tế Đông Nam	Hải Ba, Hải Dương, Hải Khê, Hải Quế	111,50		111,50	2021-2030
4	Đất dịch vụ văn hóa tại Khu kinh tế Đông Nam	Hải Quế	21,20		21,20	2021-2030
5	Trạm xăng dầu và dịch vụ tổng hợp Đức Dũng 4, kết hợp điểm thương mại dịch vụ	Hải Dương	0,87		0,87	2021-2030
6	Điểm thương mại dịch vụ khu vực đường từ trường THCS đến ngã tư đường MAG thôn Long Hưng	Xã Hải Phú	0,34		0,34	2021-2030
7	Điểm thương mại dịch vụ vùng bầu thuyền thôn Long Hưng	Xã Hải Phú	0,86		0,86	2021-2030
8	Điểm thương mại dịch vụ vùng Nương Cải và Bồng Đàn Long Hưng	Xã Hải Phú	0,19		0,19	2021-2030
9	Trạm xăng dầu khu vực tuyến tránh QL1A	Xã Hải Phú	0,80		0,80	2021
10	Xây dựng điểm thương mại, dịch vụ (thuộc Điểm dân cư nông thôn Mỹ Chánh xã Hải Chánh)	Xã Hải Chánh	1,01		1,01	2021-2030
11	Điểm dịch vụ thương mại thôn An Nhơn	Xã Hải Dương	0,57		0,57	2021
12	Điểm dịch vụ thương mại thôn An Nhơn (vùng cát)	Xã Hải Dương	7,36		7,36	2021-2030
13	Khu dịch vụ và sản xuất rượu gạo Kim Long Giao	Xã Hải Dương	1,84		1,84	2021
14	Mở rộng trụ sở hợp tác xã Hải Dương	Xã Hải Dương	0,11	0,06	0,05	2021-2030
15	Xây dựng Điểm thương mại, dịch vụ tuyến đường Xuân - Quy - Vĩnh thôn Quy Thiện	Xã Hải Quy	0,45	0,12	0,33	2021
16	Xây dựng điểm thương mại, dịch vụ tại thôn Hội Yên	Xã Hải Quế	0,13		0,13	2021-2030
17	Điểm thương mại dịch vụ tập trung tại khu đất chợ Kim Long cũ	Xã Hải Quế	0,27		0,27	2021-2030
18	Điểm thương mại dịch vụ tập trung khu vực phía Đông đê cát thôn Kim Long	Xã Hải Quế	2,81		2,81	2021-2030
19	Khu thương mại dịch vụ phục vụ dân tái định cư tại thôn Thâm Khê	Xã Hải Khê	0,30		0,30	2021-2030
20	Đấu giá QSD đất Công ty CP TM-DV Quảng Trị	Thị trấn Diên Sanh	0,09		0,09	2021
21	Trung tâm dịch vụ giải trí Hồ Tả Vệ khóm 8	Thị trấn Diên Sanh	1,80	1,55	0,25	2021
22	Đất công trình dịch vụ thương mại tại Thị trấn	Thị trấn Diên Sanh	31,85		31,85	2021-2030
23	Quy hoạch đất thương mại dịch vụ thôn Thiện Đông	Xã Hải Định	4,95	-	4,95	2021-2030
24	Quy hoạch đất thương mại dịch vụ (khu vực xã Hải Hưng sử dụng)	Xã Hải Định	0,07	-	0,07	2021-2030
25	Quy hoạch đất thương mại dịch vụ thôn Lương Hải	Xã Hải Sơn	3,72		3,72	2021-2030
26	Quy hoạch đất thương mại dịch vụ (trụ sở UBND xã cũ)	Xã Hải Sơn	0,10		0,10	2021-2030
27	Quy hoạch đất sản xuất kinh doanh thôn Tân Điền, Tây Sơn, Đông Sơn	Xã Hải Sơn	10,20		10,20	2021-2030
28	Quy hoạch đất thương mại dịch vụ thôn Kinh Duy, Trà Lộc	Xã Hải Hưng	0,85	-	0,85	2021-2030
29	Quy hoạch đất thương mại dịch vụ thôn Trà Lộc, Trà Trì Phú	Xã Hải Hưng	0,74	-	0,74	2021
30	Quy hoạch đất thương mại dịch vụ - khu trầm lớn	Xã Hải Thượng	7,07		7,07	2021-2030

STT	Hạng mục	Địa điểm (xã)	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Năm thực hiện
31	Quy hoạch đất thương mại dịch vụ thôn Thượng X	Xã Hải Thượng	0,35	0,07	0,28	2021-2030
32	Quy hoạch đất thương mại dịch vụ (trạm xăng dầu) thôn Thượng Xá	Xã Hải Thượng	0,15		0,15	2021
33	Khu thương mại dịch vụ tại khu tái định cư thôn Tân Phước	Xã Hải Lâm	0,68		0,68	2021-2030
34	Chuyển mục đích để bán đấu giá Phòng Văn hóa Thông tin huyện Hải Lăng	Thị trấn Diên Sanh	0,08		0,08	2021
35	Chuyển mục đích để bán đấu giá Trung tâm phát triển CCN&KC huyện Hải Lăng	Thị trấn Diên Sanh	0,10		0,10	2021
36	Chuyển mục đích để bán đấu giá Trụ sở HĐND huyện Hải Lăng	Thị trấn Diên Sanh	0,10		0,10	2021
37	Chuyển mục đích để bán đấu giá Trụ sở Ủy ban MTTQVN huyện Hải Lăng	Thị trấn Diên Sanh	0,18		0,18	2021
38	Chuyển mục đích để bán đấu giá Phòng Tư pháp	Thị trấn Diên Sanh	0,13		0,13	2021
39	Chuyển mục đích để bán đấu giá Trụ sở Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Thị trấn Diên Sanh	0,07		0,07	2021-2030
40	Chuyển mục đích để bán đấu giá Trụ sở Phòng Tài chính Kế hoạch	Thị trấn Diên Sanh	0,13		0,13	2021-2030
41	Chuyển mục đích để bán đấu giá Trụ sở Phòng Nội vụ	Thị trấn Diên Sanh	0,10		0,10	2021-2030
42	Chuyển mục đích để bán đấu giá Trụ sở Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	Thị trấn Diên Sanh	0,10		0,10	2021
43	Chuyển mục đích để bán đấu giá Trụ sở Ban QLDA và PTQĐ	Thị trấn Diên Sanh	0,08		0,08	2021-2030
44	Chuyển mục đích để bán đấu giá Trụ sở Phòng Tài nguyên và Môi trường	Thị trấn Diên Sanh	0,12		0,12	2021-2030
45	Chuyển mục đích để bán đấu giá Trụ sở Thanh tra	Thị trấn Diên Sanh	0,12		0,12	2021-2030
46	Chuyển mục đích để bán đấu giá Trụ sở Phòng Giáo dục và đào tạo	Thị trấn Diên Sanh	0,12		0,12	2021-2030
47	Chuyển mục đích để bán đấu giá Trụ sở Phòng Y tế	Thị trấn Diên Sanh	0,13		0,13	2021-2030
48	Đất thương mại dịch vụ khu vực đô thị La Vang	Xã Hải Phú	8,31		8,31	2021-2030
49	Đất thương mại dịch vụ thôn Trung Trường	Hải Trường	17,00		17,00	2021-2030
50	Xây dựng cây xăng tuyến đường Xuân - Quy - Vĩnh thôn Quy Thiện	Xã Hải Quy	0,23		0,23	2021-2030
2.6	ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP		423,66	-	423,66	
1	Khu phi thuế quan Khu kinh tế Đông Nam	Hải An, Hải Ba, Hải Quế	153,78		153,78	2021-2030
2	Đất tiểu thủ công nghiệp tại Khu kinh tế Đông Nam	Hải Ba, Hải Dương, Hải Khê	97,40		97,40	2021-2030
3	Nhà Máy SX cầu kiện bê tông Mỹ Thủy	Xã Hải An	8,00	-	8,00	2021
4	Xây dựng nhà máy nước	Xã Hải Sơn	0,62		0,62	2021-2030
5	Nhà máy chế biến nông sản hữu cơ Đại Nam - Ong Biển	Hải Trường	50,00		50,00	2021
6	Đất TTCN phía Tây Bắc đường Hùng Vương	Thị trấn Diên Sanh	3,04		3,04	2021-2030
7	Nhà máy xử lý rác thải tập trung huyện	Thị trấn Diên Sanh	4,00		4,00	2021-2030
8	Khu tập trung các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp	Xã Hải Ba	32,85	-	32,85	2021-2030
9	Khu phức hợp TTCN - TMDV kết hợp đất ở khu vực ngã 5	Hải Hưng	80,00		80,00	2021-2030

STT	Hạng mục	Địa điểm (xã)	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Năm thực hiện
10	Cơ sở giết mổ tập trung	Hải Chánh	0,40		0,40	2021-2030
11	Điểm sản xuất TTCN và phát triển chăn nuôi tập trung vùng Bàu Trạng	Thị trấn Diên Sanh	5,00		5,00	2021-2030
2.7	ĐẤT KHAI THÁC KHOÁNG SẢN		402,37	54,11	348,26	
1	Khai thác mỏ than bùn tại TT Diên Sanh	TT Diên Sanh	28,10		28,10	2021
2	Mỏ cát sỏi (OL1, OL2) khe Mương, Tân Điền	Hải Sơn	4,45		4,45	2021-2030
3	Mỏ cát sỏi (OL5)	Hải Sơn, Hải Chánh	11,35		11,35	2021-2030
4	Mỏ cát sỏi (OL6) thôn Tân Lý, khe Mương	Hải Sơn	16,50		16,50	2021-2030
5	Khai thác cát, sỏi SN2, SN3 Thượng Nguyên	Hải Lâm	20,82		20,82	2021-2030
6	Khai thác khoáng sản mỏ cát trắng khu vực ngã 5	Hải Thượng, Hải Định, Hải Lâm, TT Diên Sanh	223,09	54,11	168,98	2021-2030
7	Mỏ than bùn Hải Xuân, Hải thiện, Hải Thượng, Hải Vĩnh, Hải Quy	Hải Hưng, Hải Định, Hải Thượng, Hải Quy	98,06		98,06	2021-2030
2.8	ĐẤT PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG					
2.8.1	ĐẤT CƠ SỞ VĂN HÓA		12,91	-	12,91	
1	Đất Quảng trường công cộng	Thị trấn Diên Sanh	10,58		10,58	2021-2030
2	Trung tâm văn hóa xã Hải Phong	Xã Hải Phong	2,16		2,16	2021-2030
3	Nhà bia tưởng niệm Liệt Sỹ Trần Thị Tâm	Xã Hải Khê	0,17		0,17	2021-2030
2.8.2	ĐẤT CƠ SỞ Y TẾ		1,13	-	1,13	
1	Xây dựng trạm y tế xã Hải Chánh	Xã Hải Chánh	0,19		0,19	2021
2	Xây dựng trạm y tế xã Hải Dương	Xã Hải Dương	0,16		0,16	2021
3	Xây dựng trạm y tế Thị Trấn	Thị trấn Diên Sanh	0,17		0,17	2021
4	Xây dựng Trạm y tế xã Hải Ba	Xã Hải Ba	0,16		0,16	2021
5	Xây dựng Trạm y tế xã Hải Định	Xã Hải Định	0,26	-	0,26	2021-2030
6	Xây dựng trạm y tế xã Hải Lâm	Xã Hải Lâm	0,19		0,19	2021
2.8.3	ĐẤT CƠ SỞ GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO		13,55	2,43	11,21	
1	Mở rộng trường THCS Hải Quy	Xã Hải Quy	0,40		0,40	2021
2	Mở rộng trường Tiểu học và THCS Hải Dương	Xã Hải Dương	0,69		0,69	2021
3	Mở rộng trường trung học cơ sở Hải Thọ (Sân TDDT)	Thị trấn Diên Sanh	0,21		0,21	2021
4	Mở rộng trường THCS Thiện Thành	Xã Hải Định	1,50	1,06	0,44	2021-2030
5	Mở rộng Trường Mầm non Hải Phú	Xã Hải Phú	0,46	0,09	0,37	2021-2030
6	Mở rộng trường TH - THCS Hải Phú	Xã Hải Phú	0,54		0,54	2021-2030
7	Xây dựng trường Mầm non thôn Nam Chánh	Xã Hải Chánh	0,26		0,26	2021-2030
8	Mở rộng trường Tiểu học Hải Chánh (thuộc Điểm dân cư nông thôn xã Hải Chánh)	Xã Hải Chánh	0,64	0,18	0,46	2021-2030
9	Xây dựng Trường mầm non xã Hải Quy	Xã Hải Quy	0,18		0,18	2021
10	Mở rộng Trường Mầm non Hải Thọ	Thị trấn Diên Sanh	0,20	0,16	0,04	2021
11	Xây dựng Trường mầm non thôn Thiện Đông	Xã Hải Định	0,25	-	0,25	2021-2030
12	Trường mầm non thôn Tân Điền	Xã Hải Sơn	0,09		0,09	2021-2030

STT	Hạng mục	Địa điểm (xã)	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Năm thực hiện
13	Mở rộng trường mầm non Hải Vĩnh khu vực thôn Thi Ông	Xã Hải Hưng	0,42	0,12	0,30	2021
14	Mở rộng trường mầm non Hải Vĩnh khu vực thôn Lam Thủy	Xã Hải Hưng	0,20		0,20	2021
15	Mở rộng trường tiểu học và trung học Hải Xuân	Xã Hải Hưng	0,75	0,48	0,27	2021-2030
16	Mở rộng trường mầm non Hải Xuân khu vực Trà Trì Phú	Xã Hải Hưng	0,30		0,30	2021
17	Mở rộng trường mầm non Hải Thượng, điểm trường Đại An Khê	Xã Hải Thượng	0,18		0,18	2021-2030
18	Xây dựng trường mầm non Hải Lâm khu vực thôn Tân Phước	Xã Hải Lâm	0,54		0,54	2021
19	Xây dựng trường mầm non Hải Hòa khu vực thôn An Thờ	Xã Hải Phong	0,05		0,05	2021
20	Mở rộng trường mầm non Hải Hòa khu vực thôn Phú Kinh	Xã Hải Phong	0,06	0,05	0,01	2021
21	Trường Tiểu học Vùng Càng, xã Hải Chánh tại xã Hải Phong	Xã Hải Phong	0,92		0,92	2021
22	Quy hoạch đất trường học khu tái định cư ViSip 8	Hải Trường	0,25		0,25	2021-2030
23	Quy hoạch đất trường học khu tái định cư Hải An	Hải An	3,40		3,40	2021-2030
24	Mở rộng trường THPT Hải Lăng	Thị trấn Diên Sanh	1,06	0,29	0,77	2021
25	Mở rộng trường mầm non Hải Ba khu vực Phương Hải	Hải Ba	0,09		0,09	2021-2030
2.8.4	ĐẤT CƠ SỞ THỂ DỤC - THỂ THAO		34,86	0,86	34,00	
1	Khu liên hợp thể thao huyện Hải Lăng	Thị trấn Diên Sanh	12,80		12,80	2021-2030
2	Đất TDTT phía Tây Bắc đường Hùng Vương	Thị trấn Diên Sanh	1,87		1,87	2021-2030
3	Trung tâm Văn hóa thể thao huyện Hải Lăng (chuyển đất cơ sở giáo dục đào tạo sang đất cơ sở thể dục thể thao)	Thị trấn Diên Sanh	0,25		0,25	2021
4	Xây dựng sân thể dục, thể thao (khu vực đường MAG thôn Long Hưng)	Xã Hải Phú	1,02		1,02	2021-2030
5	Xây dựng sân thể thao xã Hải Trường	Xã Hải Trường	2,77		2,77	2021-2030
6	Xây dựng sân thể dục thể thao Xã Hải Chánh	Xã Hải Chánh	1,30		1,30	2021-2030
7	Sân thể dục thể thao (thuộc Điểm dân cư nông thôn xã Hải Chánh)	Xã Hải Chánh	1,27		1,27	2021-2030
8	Sân văn hóa thể thao xã Hải Quy	Xã Hải Quy	0,31		0,31	2021
9	Sân thể thao thôn Quy Thiện và Trâm Lý	Xã Hải Quy	1,48		1,48	2021-2030
10	Trung tâm TDTT xã Hải Quế	Xã Hải Quế	0,57		0,57	2021
11	Quy hoạch sân thể thao và xây dựng nhà thi đấu	Xã Hải Ba	0,36	-	0,36	2021-2030
12	Mở rộng sân thể thao xã	Xã Hải Ba	1,14	0,58	0,56	2021-2030
13	Sân bóng đá thôn Văn Qũy	Xã Hải Phong	0,53		0,53	2021-2030
14	Sân thể dục thể thao trung tâm xã	Xã Hải Sơn	0,93		0,93	2021
15	Quy hoạch sân thể thao thôn Hà Lộc	Xã Hải Sơn	0,25		0,25	2021-2030
16	Quy hoạch sân thể thao thôn Tân Điền	Xã Hải Sơn	0,17		0,17	2021-2030
17	Quy hoạch sân thể thao thôn Đông Sơn	Xã Hải Sơn	1,76		1,76	2021-2030
18	Quy hoạch sân thể thao thôn Tây Sơn	Xã Hải Sơn	0,55		0,55	2021-2030
19	Quy hoạch đất thể thao thôn Thuận Chánh An, Kinh Duy, Trà Trì Phú, Trà Lộc, Đội 2 Lam Thủy	Xã Hải Hưng	1,36	0,18	1,18	2021

STT	Hạng mục	Địa điểm (xã)	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Năm thực hiện
20	Quy hoạch đất thể thao xã	Xã Hải Hưng	0,10	-	0,10	2021-2030
21	Quy hoạch nhà thi đấu xã	Xã Hải Hưng	1,35	0,10	1,25	2021-2030
22	Quy hoạch đất thể thao khu tái định cư	Xã Hải Thượng	0,26	-	0,26	2021-2030
23	Quy hoạch mở rộng trung tâm thể dục thể thao xã	Xã Hải Thượng	0,26	-	0,26	2021-2030
24	Quy hoạch sân thể thao thôn Thượng Xá	Xã Hải Thượng	1,15	-	1,15	2021-2030
25	Quy hoạch đất thể thao thôn Xuân Lâm	Xã Hải Lâm	0,50		0,50	2021-2030
26	Quy hoạch đất thể thao khu tái định cư ViSip 8	Hải Trường	0,55		0,55	2021-2030
2.8.5	ĐẤT GIAO THÔNG		1.553,36	58,24	1.145,12	
1	Khu Logistics số 1 kế cận Cảng Mỹ Thủy thuộc Khu kinh tế Đông Nam	Hải An, Hải Quế	119,40		119,40	2021-2030
2	Đường sắt từ ga Diên Sanh - Mỹ Thủy	Hải Trường, Diên Sanh, Định, Quế, Dương, An, Khê, Ba	70,00		70,00	2021-2030
3	Ga đường sắt cảng biển Mỹ Thủy	Xã Hải An	17,50		17,50	2021-2030
4	Đường giao thông Khu kinh tế Đông Nam tỉnh Quảng Trị	Hải An, Hải Khê, Hải Ba, Hải Quế, Hải Dương	250,00		250,00	2021-2030
5	Quốc Lộ 15D	Hải Trường, TT Diên Sanh, Hải Lâm	72,10		72,10	2021-2030
6	Nâng cấp & mở rộng ĐT.582	Hải Định, Hải Quế, TT Diên Sanh	18,00		18,00	2021-2030
7	Cầu Câu Nhi -Hải Tân; Đường Thượng Xá-Trà Lộc (ĐH.50) và đường Thuận Đức-Lam Thủy-Phương Lang (ĐH.50a)	Hải Thượng, Hải Hưng, Hải Ba, Hải Phong, Hải Sơn	22,74	14,69	8,05	2021
8	Đường Hải Phú - Hải Quy (ĐH.49a)	Hải Phú, Hải Thượng, Hải Quy	4,90		4,90	2021-2030
9	Nâng cấp Đường thị trấn - Hải Xuân (ĐH.49b)	Hải Hưng, TT Diên Sanh	7,20	5,02	2,18	2021-2030
10	Đường Hải Xuân-Hải Quy ((ĐH.49b)	Hải Quy	1,70		1,70	2021-2030
11	Đường K4 - Dốc Neo - 367 (ĐH.53a)	Hải Phú, Hải Lâm, Hải Trường, Hải Sơn	8,65	6,42	2,23	2021-2030
12	Nâng cấp Đường - Thiện - Thành - Dương (ĐH.60)	Xã Hải Định, Hải Dương	4,03	2,5	1,53	2021-2030
13	Nâng cấp đường Cồn Tàu-Khe Mương (ĐH.57a)	Hải Sơn	4,60	2,90	1,70	2021-2030
14	Nâng cấp đường Xuân Lộc-Lương Sơn (ĐH.58)	Hải Chánh	3,20	2,10	1,10	2021-2030
15	Đường Hải Dương-Hải Khê (ĐH.62a)	Hải Dương, Hải Khê	2,40		2,40	2021-2030
16	Đường thị trấn- Bến Mung (ĐH.54)	Hải Lâm	5,07	3,90	1,17	2021-2030
17	Đường Hải Chánh-Đá Bạc (ĐH.59)	Hải Chánh	9,23	6,50	2,73	2021-2030
18	Đường Xuân Lâm -Thượng Nguyên - K4 (ĐH.53)	Hải Lâm	0,95	0,65	0,30	2021-2030
19	Đường Thượng Xá - Dốc Sơn - Bến Lùng (ĐH.52)	Hải Thượng	3,25	2,50	0,75	2021-2030
20	Cầu qua Sông Nhùng và đường 2 đầu cầu huyện Hải Lăng	Xã Hải Quy	0,50		0,50	2021

STT	Hạng mục	Địa điểm (xã)	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Năm thực hiện
21	Đường Ngô Quyền và đoạn còn lại tuyến đường Xuân - Quy - Vĩnh	Hải Hưng, Hải Quy, Hải Định	12,5	7,00	5,50	2021-2030
22	Đường Hải Định - Hải Dương	Hải Định, Hải Dương	4,30	2,40	1,90	2021-2030
23	Đường dân sinh cứu hộ, cứu nạn Hải Thọ - Hải Hòa	Diên Sanh, Hải Phong	3,77		3,77	2021-2030
24	Xây dựng các tuyến đường lâm nghiệp phát triển vùng đồi huyện	Các xã vùng đồi	9,50		9,50	2021-2030
25	Đường giao thông nội thị khu vực đô thị La Vang	Hải Phú	21,50		21,50	2021-2030
26	Tuyến nối đường Võ Văn Kiệt TXQT với đường tránh Quốc lộ 1A đoạn qua xã Hải Phú	Hải Phú	0,59		0,59	2021-2030
27	Đường giao thông nội thị, các khu đô thị	Thị trấn Diên Sanh	101,00		101,00	2021-2030
28	Đường vào mộ Danh nhân Bùi Dục Tài	Hải Phong	0,50		0,50	2021-2030
29	Đất giao thông (thuộc Điểm dân cư nông thôn xã Hải Chánh)	Xã Hải Chánh	4,79	0,47	4,32	2021-2030
30	Mở rộng đường giao thông thôn Đơn Quế	Xã Hải Quế	0,30	-	0,30	2021-2030
31	Đường phục vụ hậu cần nghề cá Thôn Trung an	Xã Hải Khê	0,43	-	0,43	2021-2030
32	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phục vụ Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị	Thị trấn Diên Sanh, xã Hải Trường	29,17		29,17	2021
33	Mở mới đường giao thông khu vực đầu đất	Xã Hải Ba	0,13	-	0,13	2021-2030
34	Mở rộng đường giao thông nông thôn, nội đồng, khu đầu giá	Xã Hải Định	2,99	-	2,99	2021-2030
35	Mở rộng đường giao thông nông thôn, nội đồng	Xã Hải Hưng	2,49	1,19	1,30	2021-2030
36	Quy hoạch mở mới đất giao thông cho hộ gia đình	Xã Hải Thượng	0,03		0,03	2021-2030
37	Quy hoạch giao thông xây dựng, mở rộng các tuyến đường thôn xóm, nội đồng	Các xã	45,00		45,00	2021-2030
	Cầu, Cảng, Bến xe				-	
38	Cảng biển Mỹ Thủy (350 ha đất mặt nước)	Hải An, H.Khê	685,00		335,00	2021-2030
39	Bến xe khu kinh tế Đông Nam	Hải Dương	3,00		3,00	2021-2030
40	Bến xe Diên Sanh	TT Diên Sanh	0,50		0,50	2021-2030
41	Cầu Hội Yên I, II	Xã Hải Quế	0,10		0,10	2021-2030
42	Cầu Trâm Lý - Hải Quy (Cầu Bến Làng)	Hải Quy	0,05		0,05	2021-2030
43	Cầu Trạm Bơm - Xuân Viên	Hải Dương	0,05		0,05	2021-2030
44	Cầu Cồn Đâu - Xuân Viên	Hải Dương	0,05		0,05	2021-2030
45	Cầu ông Hồng Ngoài - Đông Dương - Hải Dương	Hải Dương	0,05		0,05	2021-2030
46	Cầu Câu Nhi Hòa (Bến đò Eo) - Hải Tân	Hải Phong	0,10		0,10	2021-2030
47	Cầu đường tránh La Vang - Hải Phú	Hải Phú	0,05		0,05	2021-2030
2.8.6	ĐẤT THỦY LỢI		81,82	0,25	81,57	
1	Kè 2 bờ sông Ô Lâu (từ Văn Phong đến Câu Nhi dài 10,5 km)	Hải Chánh, Hải Sơn, Hải Phong	5,00		5,00	2021-2030
2	Tuyến kênh nắn dòng và đường công vụ vào tuyến kênh nắn dòng thuộc dự án Nhà máy nhiệt điện BOT Quảng Trị 1	Hải Khê, Hải Quế, Hải Dương	16,67	0,13	16,54	2021

STT	Hạng mục	Địa điểm (xã)	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Năm thực hiện
3	Hệ thống kênh, mương và cây xanh (thuộc Điểm dân cư nông thôn xã Hải Chánh)	Xã Hải Chánh	0,59	0,12	0,47	2021-2030
4	Nâng cấp, mở rộng các tuyến đê bao	Hải Ba, Hải Quế, Dương, Hưng, Định, Phong, Diên Sanh	5,50		5,50	2021-2030
5	Hệ thống đồng bộ thủy lợi vùng sản xuất lúa tập trung chất lượng cao các xã phía Nam huyện Hải Lăng	Các xã	11,50		11,50	2021-2030
6	Tiểu dự án hệ thống chống úng Thuận - Trạch - Trung - Tài, Ba - Quế - Vĩnh - Dương - Thành, huyện Triệu Phong và huyện Hải Lăng	Các xã	41,86		41,86	2021
7	Mở rộng kênh mương nội đồng	Xã Hải Hưng	0,63		0,63	2021-2030
8	Kênh tiêu Hạ Nghĩa (Lam thủy - Thi Ông)	Hải Hưng	0,05		0,05	2021-2030
9	Trạm bơm Mỹ Chánh	Hải Chánh	0,01		0,01	2021-2030
10	Trạm bơm An Nhơn	Hải Dương	0,01		0,01	2021-2030
2.8.7	ĐẤT CÔNG TRÌNH NĂNG LƯỢNG		931,93	-	931,93	
1	Nhà máy nhiệt điện Quảng Trị	Hải An, Hải Khê, Hải Quế, Hải Dương	450,00		450,00	2021-2030
2	Khu đất dự trữ phát triển nhà máy nhiệt điện	Xã Hải Quế, xã Hải Dương	55,00		55,00	2021-2030
3	Nhà máy nhiệt điện khí	Hải An, Hải Ba	200,00		200,00	2021-2030
4	Khu tiếp và xử lý khí	Hải An	155,00		155,00	2021-2030
5	Nhà máy điện mặt trời Hải Quy	Hải Quy	46,00		46,00	2021-2030
6	TBA 500kv Quảng Trị và đường dây đấu nối Quảng Trị - rẽ nhánh Vũng Áng Đà Nẵng	Hải Trường, Hải Sơn	14,58		14,58	2021-2030
7	Đường dây 500kV nhiệt điện Quảng Trị đến TBA 500kV Quảng Trị	Hải Quế, Hải Dương, Hải Phong, Hải Sơn, Hải Trường	9,18		9,18	2021-2030
8	Đường dây và TBA 110kV Mỹ Thủy và đấu nối	TT Diên Sanh, Hải Trường, Hải Phong, Hải Định, Hải Quế, Hải Dương, Hải An	0,88		0,88	2021
9	Cây TBA và hoàn thiện LĐHA khu vực Hải Lăng	Hải Lăng	0,30		0,30	2021-2030
10	Xây dựng mới đường dây 110kV triệu Phong-Mỹ Thủy	Hải Lăng	0,50		0,50	2021-2030
11	Đấu nối sau trạm 220kV Đông Nam	Hải Lăng	0,03		0,03	2021-2030
12	Cải tạo đường dây 22kV Hải Hòa - Hải Dương	Hải Phong, Hải Dương	0,03		0,03	2021-2030
13	Cấp điện nông thôn xã Hải Lâm	Hải Lâm	0,02		0,02	2021-2030
14	Tiểu dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Quảng Trị	Hải Quế, Hải Hưng, Hải An, Hải Khê, Hải Lâm	0,41		0,41	2021
15	Trạm biến áp 500kV Hướng Hóa và đường dây 500kV Quảng Trị - Hướng Hóa	Hải Lăng	5,00		5,00	2021-2030
2.8.8	ĐẤT CHỢ			-		
2.9	ĐẤT DI TÍCH LỊCH SỬ VĂN HÓA		5,76	0,03	5,73	
1	Địa điểm Căn cứ La Vang	Xã Hải Phú	0,03		0,03	2021-2030

STT	Hạng mục	Địa điểm (xã)	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Năm thực hiện
2	Địa điểm Chi khu Mai Lĩnh	Xã Hải Phú	0,10		0,10	2021-2030
3	Địa điểm Đồn Câu Nhi	Xã Hải Chánh	0,09		0,09	2021-2030
4	Chùa Thâm Khê	Xã Hải Khê	0,03		0,03	2021-2030
5	Địa điểm Ngã tư Hội yên	Xã Hải Quế	0,01		0,01	2021-2030
6	Địa điểm Mũi Hói Kim Long	Xã Hải Quế	0,02		0,02	2021-2030
7	Đình làng Đơn Quế	Xã Hải Quế	0,24		0,24	2021-2030
8	Địa điểm Mồ Doi	Thị trấn Diên Sanh	0,06		0,06	2021-2030
9	Địa điểm Chiến khu Ba cầu	Thị trấn Diên Sanh	0,03		0,03	2021-2030
10	Khu vực miếu địa tạng	Xã Hải Trường	0,08		0,08	2021-2030
11	Địa điểm ấp Trường Thọ	Xã Hải Trường	0,21		0,21	2021-2030
12	Khu di tích phía đông thôn Thuận Đầu	Xã Hải An	0,27	-	0,27	2021-2030
13	Đình làng Mai Đàn	Xã Hải Lâm	0,33		0,33	2021-2030
14	Địa điểm cầu Dài	Xã Hải Lâm	0,06		0,06	2021-2030
15	Địa điểm đò Dốc Chương	Xã Hải Lâm	0,10		0,10	2021-2030
16	Rú Hộp	Xã Hải Thượng	0,10		0,10	2021-2030
17	Địa điểm trường tiểu học Thượng Xá	Xã Hải Thượng	0,01		0,01	2021-2030
18	Địa điểm quán Quýt	Xã Hải Thượng	0,00		0,00	2021-2030
19	Xóm Tả làng Lam Thủy	Xã Hải Hưng	0,04		0,04	2021-2030
20	Tháp chàm Trà Lộc	Xã Hải Hưng	0,10		0,10	2021-2030
21	Điểm ghi dấu tội ác vụ hành quyết nữ anh hùng Lê Thị Tuyết	Xã Hải Hưng	0,02		0,02	2021-2030
22	Địa điểm ghi dấu trận chống càn ngày 17-2-1968 (Thôn Thị Ông)	Xã Hải Hưng	0,04		0,04	2021-2030
23	Căn cứ Khe Mương	Xã Hải Sơn	0,03		0,03	2021-2030
24	Địa điểm cầu 4 thước	Xã Hải Sơn	0,00		0,00	2021-2030
25	Địa điểm căn cứ Tân Điền	Xã Hải Sơn	0,07		0,07	2021-2030
26	Địa điểm chiến thắng Lương Điền	Xã Hải Sơn	0,06		0,06	2021-2030
27	Bia "Vĩnh Định hà cảm tác"	Xã Hải Định	0,03		0,03	2021-2030
28	Địa điểm Đồn Câu Hoan	Xã Hải Định	0,05		0,05	2021-2030
29	Địa điểm vùng Bàu Chùa	Xã Hải Định	0,04		0,04	2021-2030
30	Khu tháp Trung Đơn	Xã Hải Định	0,98		0,98	2021-2030
31	Địa điểm Côn Lãng	Xã Hải Định	0,03		0,03	2021-2030
32	Địa điểm xóm Nổ làng Trung Đơn Tên gọi cũ: Địa điểm Ủy ban nhân dân xã	Xã Hải Định	0,01		0,01	2021-2030
33	Địa điểm chiến thắng An Thờ	Xã Hải Phong	0,02		0,02	2021-2030
34	Địa điểm chiến thắng Hà Lỗ - Câu Nhi	Xã Hải Phong	0,02		0,02	2021-2030
35	Khu mộ cổ thời cá Chúa Nguyễn (làng Văn Qũy)	Xã Hải Phong	0,14		0,14	2021-2030
36	Mộ Tiến sỹ Bùi Dục Tài (thôn Câu Nhi)	Xã Hải Phong	0,02		0,02	2021-2030
37	Địa điểm ngã ba ông Quyền (thôn Cổ Lũy)	Xã Hải Ba	0,07		0,07	2021-2030

STT	Hạng mục	Địa điểm (xã)	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Năm thực hiện
38	Địa điểm ghi dấu chiến thắng Phương Lang tên gọi cũ: Địa điểm Khe Đoàn Phương Lang Tây	Xã Hải Ba	0,09		0,09	2021-2030
39	Địa điểm ghi dấu chiến thắng Ba Du - Cổ Lũy - Phương Lang (tên gọi cũ: Địa điểm xóm ngoài thôn Cổ Lũy)	Xã Hải Ba	0,05		0,05	2021-2030
40	Địa điểm cầu sắt Phương Lang	Xã Hải Ba	0,07		0,07	2021-2030
41	Địa điểm Phường Sấn	Xã Hải Phú	0,34	0,02	0,32	2021-2030
42	Ngã ba Long Hưng (Vũ Trung Thướng)	Xã Hải Phú	0,01	0,01		2021-2030
43	Nhà thờ Long Hưng	Xã Hải Phú	0,10		0,10	2021-2030
44	Miếu Họ trần Nhì	Xã Hải Phú	0,08		0,08	2021-2030
45	Địa điểm chợ Diên Sanh	Thị trấn Diên Sanh	0,01		0,01	2021-2030
46	Địa điểm Cầu Khe Đúc xóm Chùa	Xã Hải Dương	0,02		0,02	2021-2030
47	Địa điểm vụ thăm sát làng Trung An - Thâm Khê	Xã Hải Khê	0,04		0,04	2021-2030
48	Địa điểm miếu Bà Làng Trung An	Xã Hải Khê	0,06		0,06	2021-2030
49	Địa điểm vườn nhà ông Sam	Xã Hải Phú	1,23		1,23	2021-2030
50	Địa điểm Cầu La Buồm	Xã Hải Quy	0,02		0,02	2021-2030
51	Địa điểm Chợ Lùm Lòi	Xã Hải Quy	0,03		0,03	2021-2030
52	Địa điểm vụ thăm sát Quy Thiện	Xã Hải Quy	0,05		0,05	2021-2030
53	Vụ thăm sát Kim Giao	Xã Hải Dương	0,02		0,02	2021-2030
2.10	ĐẤT BÃI THẢI, XỬ LÝ RÁC		32,18	-	32,18	
1	Xây dựng bãi rác tập trung huyện tại thị trấn Diên Sanh	Thị trấn Diên Sanh	22,04		22,04	2021
2	Xây dựng bãi rác tập trung tại xã Hải Sơn	Xã Hải Sơn	10,00		10,00	2021
3	Xây dựng điểm trung chuyển rác thải	Hải Định, Hải Dương, Hải Khê	0,14		0,14	2021-2030
2.11	ĐẤT TRỤ SỞ CƠ QUAN		14,37	0,78	13,59	
1	Trung tâm hành chính huyện Hải Lăng	Thị trấn Diên Sanh	12,30	0,58	11,72	2021-2030
2	Đội quản lý thị trường huyện	Thị trấn Diên Sanh	0,15		0,15	2021
3	Mở rộng trụ sở UBND xã	Xã Hải Hưng	0,36	0,20	0,16	2021-2030
4	Xây dựng trụ sở xã Hải Định	Xã Hải Định	0,37	-	0,37	2021-2030
5	Xây dựng trụ sở UBND xã	Xã Hải Phong	0,55		0,55	2021-2030
6	Xây dựng trụ sở UBND xã	Xã Hải Sơn	0,44		0,44	2021
7	Kho vật chứng của chi cục thi hành án huyện Hải Lăng	Thị trấn Diên Sanh	0,20		0,20	2021-2030
2.12	ĐẤT CƠ SỞ TÔN GIÁO		1,31	-	1,31	
1	Đất tôn giáo khu TĐC ViSíp 8	Hải Trường	0,44		0,44	2021-2030
2	Mở rộng Chùa Long Hưng	Xã Hải Phú	0,80		0,80	2021-2030
3	Mở rộng niệm phật đường Hải Lâm (Chùa Mai Đàn)	Xã Hải Lâm	0,07		0,07	2021-2030
2.13	ĐẤT NGHĨA ĐỊA		136,34	7,31	129,03	
1	Quy hoạch khu nghĩa địa tại thị trấn	Thị trấn Diên Sanh	36,40		36,40	2021-2030
2	Mở rộng khu nghĩa trang, nghĩa địa thôn Trâm Lý	Xã Hải Quy	0,44		0,44	2021-2030

STT	Hạng mục	Địa điểm (xã)	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Năm thực hiện
3	Mở rộng khu nghĩa trang, nghĩa địa thôn Trung Trường	Xã Hải Trường	0,71		0,71	2021-2030
4	Khu nghĩa trang, nghĩa địa thôn Long Hưng, thôn Phú Hưng	Xã Hải Phú	4,18		4,18	2021-2030
5	Quy hoạch khu nghĩa trang, nghĩa địa thôn Hậu Trường, thôn Mỹ Trường	Xã Hải Trường	2,90		2,90	2021-2030
6	Mở rộng nghĩa địa thôn Phước Điền	Xã Hải Định	5,81	2,56	3,25	2021-2030
7	Quy hoạch đất nghĩa địa thôn Thuận Nhơn (khu vực xã Hải Hưng sử dụng)	Xã Hải Định	0,64	-	0,64	2021-2030
8	Mở rộng nghĩa địa thôn Câu Hà, Văn Quỳ, An Thờ, Phú Kinh, Hưng Nhơn	Xã Hải Phong	7,40		7,40	2021-2030
9	Quy hoạch nghĩa địa	Xã Hải Sơn	7,10		7,10	2021-2030
10	Mở rộng nghĩa địa thôn Trà Trì Phú, Trà Lộc, Lam Thủy, Thi Ông	Xã Hải Hưng	27,47	3,76	23,71	2021
11	Quy hoạch đất nghĩa địa	Xã Hải Lâm	18,36		18,36	2021-2030
12	Nghĩa địa khu tái định cư Hải An	Hải An	10,00		10,00	2021-2030
13	Nghĩa địa khu tái định cư Hải Khê	Hải Khê	13,40		13,40	2021-2030
14	Đất nghĩa địa khu vực đô thị La Vang	Xã Hải Phú	1,53	0,99	0,54	2021-2030
2.14	ĐẤT KHAI THÁC VẬT LIỆU XÂY DỰNG		715,20	-	646,32	
1	Mỏ Trường Xuân 1	Hải Trường	11,50		11,50	2021-2030
2	Mỏ Hải Trường 2	Hải Trường	25,20		25,20	2021-2030
3	Mỏ Hải Trường 3	Hải Trường	12,00		12,00	2021-2030
4	Mỏ đất xã Hải Chánh	Xã Hải Chánh	25,20		25,20	2021-2030
5	Mỏ Sét gạch ngói Dốc Sơn	Hải Thượng	20,00		20,00	2021-2030
6	Mỏ Hải Trường 4	Hải Trường	3,90		3,90	2021-2030
7	Mỏ Diên Sanh	TT Diên Sanh	17,00		17,00	2021-2030
8	Mỏ sét đồi khu vực Tân Chính (68,88 ha trùng khu CN Visip)	Hải Lâm, Thị trấn Diên Sanh	182,42		113,54	2021-2030
9	Mỏ sét đồi khu vực Thôn Trung	Xã Hải Trường, Hải Sơn	236,00		236,00	2021-2030
10	Mỏ sét đồi khu vực Hồ Lầy	Hải Chánh	132,57		132,57	2021-2030
11	Mỏ đá Hải Sơn	Xã Hải Sơn	48,60		48,60	2021
12	Bãi cát sạn sản xuất vật liệu xây dựng (bãi đúc bờ lô)	Xã Hải Chánh	0,81		0,81	2021-2030
2.15	ĐẤT SINH HOẠT CỘNG ĐỒNG		4,40	0,07	4,33	
1	Nhà sinh hoạt cộng đồng Đội 6, thôn Long Hưng	Xã Hải Phú	0,17		0,17	2021
2	Nhà tránh lũ Đội 1, thôn Long Hưng	Xã Hải Phú	0,08		0,08	2021
3	Nhà sinh hoạt cộng đồng Đội 4, thôn Long Hưng	Xã Hải Phú	0,38		0,38	2021-2030
4	Mở rộng nhà sinh hoạt cộng đồng Thôn Mỹ Chánh	Xã Hải Chánh	0,15	0,07	0,08	2021-2030
5	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng Thôn Tây Chánh	Xã Hải Chánh	0,26		0,26	2021-2030
6	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng Thôn Nam Chánh	Xã Hải Chánh	0,10		0,10	2021-2030
7	Xây dựng nhà văn hóa thôn Kim Giao	Xã Hải Dương	0,13		0,13	2021-2030

STT	Hạng mục	Địa điểm (xã)	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Năm thực hiện
8	Mở rộng nhà văn hóa thôn Kim Giao	Xã Hải Dương	0,04		0,04	2021-2030
9	Xây dựng nhà văn hóa thôn Xuân Viên	Xã Hải Dương	0,17		0,17	2021-2030
10	Xây dựng Nhà văn hóa xã Hải Quy	Xã Hải Quy	0,20		0,20	2021
11	Xây dựng điểm sinh hoạt cộng đồng thôn Hội Yên	Xã Hải Quế	0,12		0,12	2021
12	Nhà văn hóa Khóm 1 (chuyển từ đất trụ sở sang đất sinh hoạt)	Thị trấn Diên Sanh	0,18		0,18	2021
13	Chuyển mục đích từ đất giáo dục sang xây dựng nhà văn hóa Diên Trường	Thị trấn Diên Sanh	0,06		0,06	2021
14	Nhà văn hóa Khóm 9, thị trấn Diên Sanh	Thị trấn Diên Sanh	0,22		0,22	2021-2030
15	Quy hoạch điểm văn hóa thôn Phước Điền	Xã Hải Định	0,42	-	0,42	2021-2030
16	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng - nhà cao tầng chống lũ thôn Văn Qũy	Xã Hải Phong	0,09		0,09	2021-2030
17	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng - nhà cao tầng chống lũ thôn Hưng Nhơn	Xã Hải Phong	0,07		0,07	2021-2030
18	Mở rộng khu văn hóa thôn Văn Trị	Xã Hải Phong	0,28		0,28	2021-2030
19	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Tân Điền	Xã Hải Sơn	0,09		0,09	2021-2030
20	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Đông Sơn	Xã Hải Sơn	1,09		1,09	2021-2030
21	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Trà Lộc	Xã Hải Hưng	0,03	-	0,03	2021-2030
22	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Thi Ông	Xã Hải Hưng	0,07	-	0,07	2021-2030
2.16	ĐẤT KHU VUI CHƠI GIẢI TRÍ		91,10	-	91,10	
1	Xây dựng khu vui chơi giải trí thôn Mỹ Chánh	Xã Hải Chánh	0,18		0,18	2021
2	Xây dựng khu vui chơi giải trí công cộng thôn Đon Quế	Xã Hải Quế	0,06		0,06	2021-2030
3	Công viên cây xanh tại thị trấn	Thị trấn Diên Sanh	70,83		70,83	2021-2030
4	Quy hoạch khu vui chơi	Xã Hải Ba	6,30	-	6,30	2021-2030
5	Đất cây xanh công viên khu vực La Vang	Xã Hải Phú	13,73		13,73	2021-2030
2.17	ĐẤT CƠ SỞ TÍN NGƯỠNG		1,03	0,00	1,03	
1	Đất tín ngưỡng (thuộc Điểm dân cư nông thôn Mỹ Chánh)	Xã Hải Chánh	0,08		0,08	2021-2030
2	Đất tín ngưỡng khu tái định cư ViSíp 8	TT Diên Sanh	0,95		0,95	2021-2030
2.18	ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP CÒN LẠI		0,12	-	0,12	
1	Xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường do tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại các kho thuốc trên địa bàn	Hải Định, Hải Dương, Hải Thượng, Hải Quy, Hải Hưng, thị trấn Diên Sanh	0,12		0,12	2021-2030
2.19	ĐẤT Ở					
2.19.1	Đất ở tại nông thôn		172,30	-	172,30	
1	Chuyển mục đích, đấu giá quyền sử dụng đất	Xã Hải Phú	15,54	-	15,54	2021-2030
2	Chuyển mục đích, đấu giá quyền sử dụng đất	Xã Hải Trường	7,57	-	7,57	2021-2030
3	Mở rộng khu dân cư, chuyển mục đích, đấu giá quyền sử dụng đất	Xã Hải Chánh	15,33		15,33	2021-2030
4	Chuyển mục đích, đấu giá quyền sử dụng đất	Xã Hải Dương	16,10	-	16,10	2021-2030

STT	Hạng mục	Địa điểm (xã)	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Năm thực hiện
5	Chuyển mục đích, đấu giá quyền sử dụng đất	Xã Hải Quy	11,78		11,78	2021-2030
6	Chuyển mục đích, đấu giá quyền sử dụng đất	Xã Hải Quế	5,41		5,41	2021-2030
7	Chuyển mục đích, đấu giá quyền sử dụng đất	Xã Hải Khê	3,10		3,10	2021-2030
8	Chuyển mục đích, đấu giá quyền sử dụng đất	Xã Hải Ba	15,22		15,22	2021-2030
9	Mở rộng khu dân cư, chuyển mục đích, đấu giá quyền sử dụng đất	Xã Hải Định	17,14		17,14	2021-2030
10	Đấu giá quyền sử dụng đất ở	Xã Hải Phong	4,38		4,38	2021-2030
11	Mở rộng khu dân cư, chuyển mục đích, đấu giá quyền sử dụng đất	Xã Hải Sơn	11,52		11,52	2021-2030
12	Chuyển mục đích, đấu giá quyền sử dụng đất	Xã Hải Hưng	17,75		17,75	2021-2030
13	Mở rộng khu dân cư, chuyển mục đích, đấu giá quyền sử dụng đất	Xã Hải Thượng	16,50		16,50	2021-2030
14	Mở rộng khu dân cư, chuyển mục đích, đấu giá quyền sử dụng đất	Xã Hải Lâm	14,96		14,96	2021-2030
2.19.2	Đất ở tại đô thị		123,45	29,81	93,64	
1	Đất ở mới đô thị thị trấn Diên Sanh	TT Diên Sanh	41,46	13,06	28,40	2021-2030
2	Đấu giá QSD đất ở Xóm Đông - Khóm 1 (giai đoạn 2)	TT Diên Sanh	0,80		0,80	2021-2030
3	Khu đất đường Nguyễn Huệ và tuyến nối vào tuyến T2 thuộc Khu đô thị Đông Nam thị trấn	TT Diên Sanh	0,59		0,59	2021
4	Khu đô thị Phía Tây đường Võ Thị Sáu	TT Diên Sanh	5,09	2,90	2,19	2021
5	Khu đô thị hồ Đập Thanh	TT Diên Sanh	6,42	3,78	2,64	2021
6	Khu đô thị phía Đông hồ Đập Thanh, thị trấn Diên Sanh	TT Diên Sanh	10,23		10,23	2021
7	Khu đô thị phía Nam hồ Đập Thanh, thị trấn Diên Sanh	Thị trấn Diên Sanh	8,60		8,60	2021-2030
8	Chuyển mục đích, đấu giá QSD đất ở Xóm Hòa, Vùng Chòi, lô đất lẻ các khóm	TT Diên Sanh	4,37		4,37	2021
9	Khu dân cư xóm Hoài Tây, các khóm (giao đất)	TT Diên Sanh	12,95	0,91	12,04	2021
10	Khu đô thị phía đông Nguyễn Huệ	TT Diên Sanh	11,00	9,00	2,00	2021
11	TĐC CSHT khu đô thị phía đông Nguyễn Huệ	TT Diên Sanh	0,02		0,02	2021
12	Khu đô thị phía Nam thị trấn Diên Sanh	TT Diên Sanh	4,01		4,01	2021
13	Mở rộng khu dân cư Khóm 1 (nay là Khóm 6)	TT Diên Sanh	0,74		0,74	2021
14	Khu đô thị Lương Định Của, Phan Châu Trinh	TT Diên Sanh	0,78		0,78	2021
15	Khu đô thị Khóm 2 giai đoạn 2 (nay là khóm 6)	TT Diên Sanh	1,59		1,59	2021
16	Đấu giá QSD đất phía Tây đường Trần Phú và đường phía Bắc đường Lê Thế Hiếu	TT Diên Sanh	0,48		0,48	2021
17	Mở rộng diêm dân cư phía Đông đường Nguyễn Trãi	TT Diên Sanh	0,18		0,18	2021
18	Khu đô thị phía Đông Trung tâm hành chính huyện	TT Diên Sanh	8,10	0,16	7,94	2021
19	Khu đô thị Xóm Hòa 2 khóm 1, thị trấn Diên Sanh	TT Diên Sanh	6,04		6,04	2021
2.19.3	Đất ở trong các dự án		117,99	-	117,99	
1	Đất ở tái định cư xã Hải An	Xã Hải An	37,64	-	37,64	2021
2	Đất ở tái định cư xã Hải Khê	Hải Khê	20,50		20,50	2021-2030
3	Đất nhà ở công nhân, chuyên Gia	Hải Dương, Hải Khê	8,00		8,00	2021-2030
4	Khu dân cư xã Hải Trường (Hậu trường)	Xã Hải Trường	8,48	-	8,48	2021

STT	Hạng mục	Địa điểm (xã)	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Năm thực hiện
5	Đất ở tái định cư (Vi Síp 8)	Hải Trường	11,43		11,43	2021-2030
6	Đất ở tái định cư (Vi Síp 8)	TT Diên Sanh	17,74		17,74	2021-2030
7	Đất ở phát triển đô thị khu vực La Vang	Hải Phú	14,20		14,20	2021-2030
III	ĐẤT KHU DÂN CƯ*					
1	Tái định cư vùng đồi phía Tây Nam	Hải Sơn, Hải Trường	350,00		350,00	2021-2030
2	Khu dân cư xóm Hoài Tây, các khóm (giao đất)	Thị trấn Diên Sanh	12,95		12,95	2021
3	Khu tái định cư ViSíp Quảng Trị	TT Diên Sanh, Hải Trường, Hải Lâm	100,00		100,00	2021-2030
4	Khu tái định cư Hải An	Hải An	170,00	15,00	155,00	2021-2030
5	Khu tái định cư Hải Khê	Hải Khê	183,00	40,00	143,00	2021-2030
6	Khu nhà ở chuyên gia tại Khu Kinh tế Đông Nam	Hải Dương	49,40	1,96	47,44	2021-2030
7	Khu nhà ở công nhân tại Khu Kinh tế Đông Nam	Hải Khê	48,90		48,90	2021-2030
IV	ĐẤT KHU KINH TẾ**					
	Khu kinh tế Đông Nam	Hải An, Khê, Ba, Quế, Dương	5.940,00		5.940,00	2021-2030
V	ĐẤT ĐÔ THỊ*					
1	Thị trấn Diên Sanh		2.460,30		2.460,30	2021-2030
2	Đô thị khu vực La Vang	Xã Hải Phú	100,00		100,00	2021-2030
3	Đô thị Mỹ Chánh	Xã Hải Chánh	140,00		140,00	2021-2030
VI	ĐẤT KHU DU LỊCH*					
1	Khu du lịch sinh thái bầu trầm Trà Lộc	Hải Hưng	84,30		84,30	2021-2030
2	Khu dịch vụ - du lịch biển Hải Khê	Hải Khê	53,80		53,80	2021
3	Đất khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng	Thị trấn Diên Sanh	115,79		115,79	2021-2030
4	Khu du lịch sinh thái nông nghiệp Bàu Giàng	Hải Hưng	7,70		7,70	2021-2030
5	Khu du lịch sinh thái Hồ Trén	Hải Định	10,00		10,00	2021-2030
6	Khu du lịch sinh thái Trầm lớn	Hải Thượng	4,00		4,00	2021-2030
7	Khu du lịch sinh thái vùng Hồ Miếu Bà	Hải Sơn	15,00		15,00	2021-2030
8	Khu du lịch sinh thái Trầm Khang	Hải Trường	3,80		3,80	2021-2030
9	Khu du lịch Thác Chờng	Hải Chánh, Hải Sơn	15,00		15,00	2021-2030
10	Khu du lịch thác Chàn	Hải Lâm	7,00		7,00	2021-2030
11	Khu du lịch Hồ Thác Kheo	Hải Lâm	5,00		5,00	2021-2030
12	Khu du lịch Hồ Khe Khế	Hải Phú	5,00		5,00	2021-2030

Ghi chú: * không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên